| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>TỈNH BÌNH DƯƠNG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 43/2021/QĐST-HNGĐ | *Thuận An, ngày 18 tháng 01 năm 2021* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 396 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1496/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Kiên Danh M, sinh năm 1978; nơi ĐKHKTT: khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Bà Từ Thị N, sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT: khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiên Danh M và bà Từ Thị N tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã T, tỉnh Trà Vinh, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 118, quyển số 01 ngày 22/12/2003.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, đời sống không hạnh phúc. Trong thời gian mâu thuẫn ông M, bà N đã nhiều lần nói chuyện để hòa giải nhưng không hòa hợp được, cả hai đã sống riêng từ năm 2018 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Hiện tại, ông M và bà N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông M và bà N có người con chung tên Kiên Danh P, sinh ngày 05/6/2005. Cả hai thống nhất: Sau khi ly hôn, ông Kiên Danh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Kiên Danh P, sinh ngày 05/6/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không cấp dưỡng nuôi con, ông M không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Kiên Danh M và bà Từ Thị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con sau khi ly hôn, thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Kiên Danh M và bà Từ Thị N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Kiên Danh M được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Kiên Danh P, sinh ngày 05/6/2005.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N không cấp dưỡng nuôi con, ông M không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**2.** Về lệ phí Tòa án: Ông Kiên Danh M và bà Từ Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0053380 ngày 17 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND xã L, thị xã T, tỉnh Trà Vinh;
*(Giấy CNKH số 118, quyển số 01 ngày 22/12/2003);*
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Tuyết Ánh**